

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 02 (87) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Bằng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thuỷ

Mục lục

1. Phát triển hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk: Rào cản và giải pháp.....	3
Nguyễn Duy Thụy	
2. Thực trạng bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam và một số vấn đề đặt ra	10
Trần Minh Đức, Vũ Thị Ngọc	
3. Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai của Liên Hợp Quốc và những vấn đề đặt ra cho thế giới và Việt Nam.....	19
Nguyễn Văn Lịch, Phạm Thị Phương Anh	
4. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua và sử dụng xe máy điện của sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội	27
Nguyễn Danh Nam, Ưông Thị Ngọc Lan	
5. Phát triển kinh tế lâm nghiệp tại các huyện miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam	37
Nguyễn Hoàng Yến	
6. Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ và eWOM đến ý định quay lại các điểm đến du lịch biển Phú Yên: Vai trò của niềm tin và giá trị cảm nhận	46
Lê Đức Tâm	
7. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận chuyển khách du lịch bằng taxi tại thành phố Nha Trang...56	
Lê Chí Công, Bùi Thị Thúy Vân	
8. Vận dụng mô hình SCP phát triển thị trường cá tra ở Đồng bằng sông Cửu Long – Nghiên cứu trường hợp tỉnh Tiền Giang	64
Mai Văn Xuân, Đỗ Đoàn Trang, Phan Phùng Phú, Mai Lệ Quyền	
9. Văn hóa doanh nghiệp và sự gắn bó của người lao động với công việc: Nghiên cứu thực nghiệm cho các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Khánh Hòa	73
Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Thị Hồng Đào	
10. Xung đột xã hội về vấn đề môi trường tại tỉnh Quảng Ngãi trong bối cảnh công nghiệp hóa	81
Nguyễn Thị Thanh Xuyên	
11. Huy động, sử dụng nguồn nhân lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Lắk	90
Đinh Như Hoài	
12. Về nhận diện và phân tích giá trị dân tộc vùng biên giới đất liền ở Việt Nam hiện nay.....	99
Trần Thị Phương Anh, Hoàng Văn Chung	
13. Biên chứng giữa văn hóa và môi trường: Nghiên cứu các giá trị và thực hành truyền thống của cộng đồng vùng đầm phá thành phố Huế	107
Trần Mai Phương, Hồ Viết Hoàng	
14. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay.....	115
Trần Thị Hồng Hạnh	
15. Công tác bổ dụng đội ngũ quan lại qua thi cử dưới triều Nguyễn (1802-1885).....	124
Nguyễn Thế Hà, Phan Thùy Giang	
16. Vùng đất Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX.....	135
Nguyễn Đình Cơ, Nguyễn Phương Đại	
17. Khảo cứu, phê bình kịch hát trên tạp chí Bách Khoa.....	144
Phạm Ngọc Hiền	

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 02, 2025

The 18th Year

Contents

1. Development of Agricultural Cooperatives in Dak Lak Province: Barriers and Solutions..... **3**
Nguyen Duy Thuy
2. The current situation of training in knowledge and professional skills for disseminating and educating environmental protection policies and laws in Quang Nam province and emerging issues..... **10**
Tran Minh Duc, Vu Thi Ngoc
3. The United Nations Future Summit and its implications for the world and Vietnam..... **19**
Nguyen Van Lich, Pham Thi Phuong Anh
4. Factors influencing university students' intention to purchase and use electric motorcycles in Hanoi..... **27**
Nguyen Danh Nam, Uong Thi Ngoc Lan
5. Developing forestry-based economic activities in the northern mountainous districts of Quang Nam Province..... **37**
Nguyen Hoang Yen
6. The influence of service quality and eWOM on revisit intention to Phu Yen coastal tourism destinations: The role of trust and perceived value..... **46**
Le Duc Tam
7. Enhancing the quality of tourist taxi services in Nha Trang city **56**
Le Chi Cong, Bui Thi Thuy Van
8. Applying the SCP Model to Develop the Pangasius Market in the Mekong Delta – A Case Study of Tien Giang Province..... **64**
Mai Van Xuan, Do Doan Trang, Phan Phung Phu, Mai Le Quyen
9. Corporate culture and employees' work engagement: An empirical study in FDI enterprises in Khanh Hoa province..... **73**
Le Huu Nghia, Nguyen Thi Hong Dao
10. Environmental-Related Social conflicts in Quang Ngai province in the context of industrialization..... **81**
Nguyen Thi Thanh Xuyen
11. Mobilizing and utilizing human resources for socio-economic development in ethnic minority areas of Dak Lak province..... **90**
Dinh Nhu Hoai
12. On identifying and analyzing the ethnic values of Vietnam's land border areas today **99**
Tran Thi Phuong Anh, Hoang Van Chung
13. The dialectics of culture and environment: A study on traditional values and practices among lagoon communities in Hue city..... **107**
Tran Mai Phuong, Ho Viet Hoang
14. Preserving and promoting the value of tangible cultural heritage in Hoa Vang District, Danang City in the current period..... **114**
Tran Thi Hong Hanh
15. The Appointment of Mandarins through Examinations under the Nguyễn Dynasty (1802–1885) .. **124**
Nguyen The Ha, Phan Thuy Giang
16. The land of Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) from the 17th century to the first half of the 19th century..... **135**
Nguyen Dinh Co, Nguyen Phuong Dai
17. Research, criticism of Vietnamese musical theater in Bach Khoa magazine **144**
Pham Ngoc Hien

Xung đột xã hội về vấn đề môi trường tại tỉnh Quảng Ngãi trong bối cảnh công nghiệp hóa

Nguyễn Thị Thanh Xuyên

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

Email liên hệ: xuyenthanh27@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết phân tích hiện trạng mâu thuẫn/xung đột xã hội liên quan đến môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong bối cảnh công nghiệp hóa. Sử dụng phương pháp điều tra xã hội học với 600 hộ gia đình tại Bình Sơn, thành phố Quảng Ngãi và Đức Phổ (tỉnh Quảng Ngãi) vào năm 2024, cùng với phỏng vấn sâu người dân và cán bộ nhằm cung cấp các phát hiện về tình trạng mâu thuẫn/xung đột xã hội liên quan đến các vấn đề môi trường trong quá trình phát triển các khu công nghiệp, tái định cư và quy hoạch đô thị tại tỉnh Quảng Ngãi. Các vấn đề về môi trường như ô nhiễm bụi, mùi, không khí, xử lý chất thải, rác thải của khu công nghiệp và rác thải sinh hoạt đã tạo ra một số mâu thuẫn kéo dài, gây ra sự bất an và xáo trộn nhất định trong đời sống của người dân. Do đó, bài viết này đánh giá nguyên nhân, cách thức xử lý xung đột và đề xuất một số gợi ý ngăn ngừa mâu thuẫn/xung đột xã hội về môi trường. Nghiên cứu này cũng đóng góp những phát hiện mới về các tác nhân xã hội trong nhận diện và giải quyết vấn đề mâu thuẫn/xung đột về môi trường.

Từ khóa: xung đột xã hội, môi trường, tỉnh Quảng Ngãi

**Environmental-Related Social conflicts in Quang Ngai province
in the context of industrialization**

Abstract: The article analyzes the social conflicts related to the environment in Quang Ngai province in the context of industrialization. Data were collected through sociological survey conducted in 2024 with 600 households in Binh Son, Quang Ngai City, and Duc Pho (Quang Ngai province), along with in-depth interviews with people and local officials. The study present findings on environmental-related social conflicts arising from industrial development, resettlement, and urban planning in Quang Ngai province. Environment problems such as dust, odor, air pollution, waste treatment, industrial waste, and household waste have triggered long-standing conflicts, causing insecurity and disruption to people's lives. Therefore, this article assesses the conflict causes, and solutions for addressing conflicts and proposes some suggestions to prevent social conflicts in the environment. This study also contributes new findings on social actors in identifying and resolving environmental conflicts.

Keyword: social conflict, environment, Quang Ngai province.

Ngày gửi bài: 01/3/2025; **Ngày phản biện:** 10/3/2025; **Ngày duyệt đăng:** 10/4/2025

1. Đặt vấn đề

Các nghiên cứu về xung đột xã hội cung cấp góc nhìn đa chiều trên bình diện lý thuyết và thực tiễn. Dahrendorf (1958) cho rằng có nhiều loại xung đột, bao gồm xung đột biểu lộ, xung đột tiềm ẩn và xung đột đối hướng. Xung đột xã hội là sự đối đầu giữa nhóm sở hữu và không sở hữu tư liệu sản xuất (Dahrendorf, 1958). Nghiên cứu xung đột xã hội ở Việt Nam đã chỉ ra vấn đề mâu thuẫn lợi ích là nguyên nhân dẫn tới xung đột, đó là lợi ích không thể điều hòa, và khi có một bên bị thiệt hại sẽ tạo ra xung đột (Hồ Bá Thâm, 2011). Tại Việt Nam, xung đột xã hội trong kinh tế, văn hóa, môi trường là các xung đột mang tính chất tiêu biểu thường được biết đến là tranh chấp đất đai, hợp đồng kinh tế, phân chia tài sản không đồng đều, đền bù giải phóng mặt bằng, các mâu thuẫn liên quan đến đức tin, tộc người và ô nhiễm môi trường (Đào Quang Vinh, 2021; Phan Xuân Sơn, 2020; Nguyễn Chí Tinh, 2012). Theo Vũ Cao Đàm (2002), xung đột trong lĩnh vực môi trường xảy ra do có sự khác biệt về ứng xử liên quan đến bảo vệ môi trường, sự khác biệt trong thụ hưởng tài nguyên và lợi thế về môi trường. Biểu hiện của xung đột môi trường gồm những hành động như

sau: i) đe dọa; ii) trừng phạt; iii) đàm phán, thương lượng để tìm kiếm giải pháp (Vũ Cao Đàm, 2002). Lê Ngọc Thanh và cộng sự (2016, tr. 54) cho rằng xung đột môi trường là một dạng xung đột xã hội liên quan đến khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Các nghiên cứu này đều nhìn nhận xung đột môi trường ở góc độ khan hiếm tài nguyên thiên nhiên như một động lực dẫn đến tranh chấp và mâu thuẫn. Timura (2001) cho rằng các mô hình xung đột môi trường hiện nay thiếu đánh giá về bản chất xã hội và văn hóa của xung đột tài nguyên cũng như vấn đề chính trị, chính sách và diễn ngôn về môi trường. Nhằm bổ sung các yếu tố xã hội trong lý thuyết xung đột môi trường, bài viết này phân tích hiện tượng xung đột môi trường từ góc nhìn của các tác nhân xã hội như vấn đề quản lý, tính đồng thuận giữa các chủ thể và khả năng tiếp cận thông tin.

Trong thời gian qua, có thể nhận thấy bức tranh đa chiều và rộng lớn của hiện tượng mâu thuẫn trên nhiều khía cạnh đời sống tạo nên sự căng thẳng giữa các mối quan hệ cá nhân và nhóm, dẫn đến xuất hiện các xung đột trên phạm vi rộng lớn của hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, môi trường. Tại Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng, sự tăng trưởng nhanh của kinh tế là một minh chứng cho thấy nhân tố lợi ích và quyền lực góp phần quyết định mức độ phức tạp và khả năng ảnh hưởng sâu sắc của xung đột về môi trường. Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi diễn ra nhiều sự kiện tranh chấp, mâu thuẫn, trong đó, có một số sự kiện chỉ mang tính mâu thuẫn, một số sự kiện có tính chất xung đột với biểu hiện phản đối. Những sự kiện tranh chấp, mâu thuẫn và xung đột này chủ yếu liên quan đến vấn đề sử dụng đất nông nghiệp, tài nguyên, bồi thường, tái định cư, xử lý rác thải môi trường.

Tại tỉnh Quảng Ngãi đã xuất hiện một số điểm nóng về môi trường có nguy cơ dẫn đến xung đột xã hội như: tại xã Nghĩa An (thành phố Quảng Ngãi), nhà máy rác thải ở xã Nghĩa Kỳ (Tư Nghĩa), nhà máy xử lý rác thải ở xã Phổ Thạnh (Đức Phổ)... Sự căng thẳng trong mối quan hệ giữa người dân và doanh nghiệp hoặc giữa người dân và cơ quan chức năng tại những điểm nóng môi trường này phản ánh sự không đồng thuận về quan điểm giữa người dân và những tổ chức trên, đồng thời bộc lộ khả năng giải quyết vấn đề môi trường của doanh nghiệp còn nhiều bất cập. Điều này cũng phản ánh một số hệ lụy của quá trình phát triển kinh tế thiếu cân bằng với yếu tố môi trường và hoàn cảnh xã hội. Những bức xúc, kiến nghị của người dân về ô nhiễm môi trường liên quan đến rác thải luôn là vấn đề nóng trong nhiều năm vừa qua. Qua những sự kiện trên cho thấy việc giải quyết hỗ trợ, bồi thường, di dời, tái định cư, đảm bảo môi trường sống đối với các hộ dân ở gần khu công nghiệp trở nên rất cấp thiết. Quá trình phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tác động đáng kể đến quy hoạch đất đai, ảnh hưởng đến môi trường và không gian sinh sống của người dân. Những vấn đề nổi cộm như giải phóng mặt bằng, thực hiện đền bù, bồi thường cho người dân còn nhiều mặt hạn chế, chưa kịp thời và đáp ứng đầy đủ nguyện vọng và yêu cầu của người dân. Bên cạnh đó, hoạt động phổ biến pháp luật, kiến thức về quyền lợi và nghĩa vụ của người dân cũng chưa thỏa đáng, từ đó, dẫn đến hiện tượng tụ tập đông người yêu cầu cơ quan chức năng giải trình. Vì vậy, nghiên cứu này đóng góp các phát hiện mới về xung đột môi trường từ góc nhìn của các tác nhân xã hội tại tỉnh Quảng Ngãi, nhằm đánh giá nguyên nhân, cách thức giải quyết xung đột, qua đó gợi ý một số giải pháp ngăn ngừa mâu thuẫn/xung đột xã hội liên quan đến vấn đề môi trường.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để tài thực hiện khảo sát điều tra xã hội học vào năm 2024 tại Bình Sơn, thành phố Quảng Ngãi và Đức Phổ (tỉnh Quảng Ngãi). Phương thức chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện 600 hộ gia đình tại xã Bình Trị, Bình Thuận, Bình Đông (Bình Sơn), xã Tịnh An, phường Lê Hồng Phong (thành phố Quảng Ngãi) và xã Phổ Thạnh (Đức Phổ). Đây là những địa bàn đã từng xảy ra các điểm nóng về vấn đề xử lý rác thải và ô nhiễm môi trường. Trong đó, Bình Sơn là địa bàn của nhiều dự án phát triển công nghiệp nặng quan trọng của tỉnh Quảng Ngãi, và có tác động đáng kể đến môi trường sống của người dân. Thành phố Quảng Ngãi là địa bàn còn nhiều dự án quy hoạch đô thị kéo dài ảnh hưởng trực tiếp đến không gian sống của người dân. Bên cạnh đó, đề tài còn thực hiện phỏng vấn sâu người dân và cán bộ theo phương thức chọn mẫu có chủ đích để thu thập các thông tin về diễn biến mâu thuẫn xã hội liên quan đến môi trường, quan niệm và cách ứng xử của người dân và cán bộ khi có mâu thuẫn xã hội diễn ra.

3. Kết quả nghiên cứu

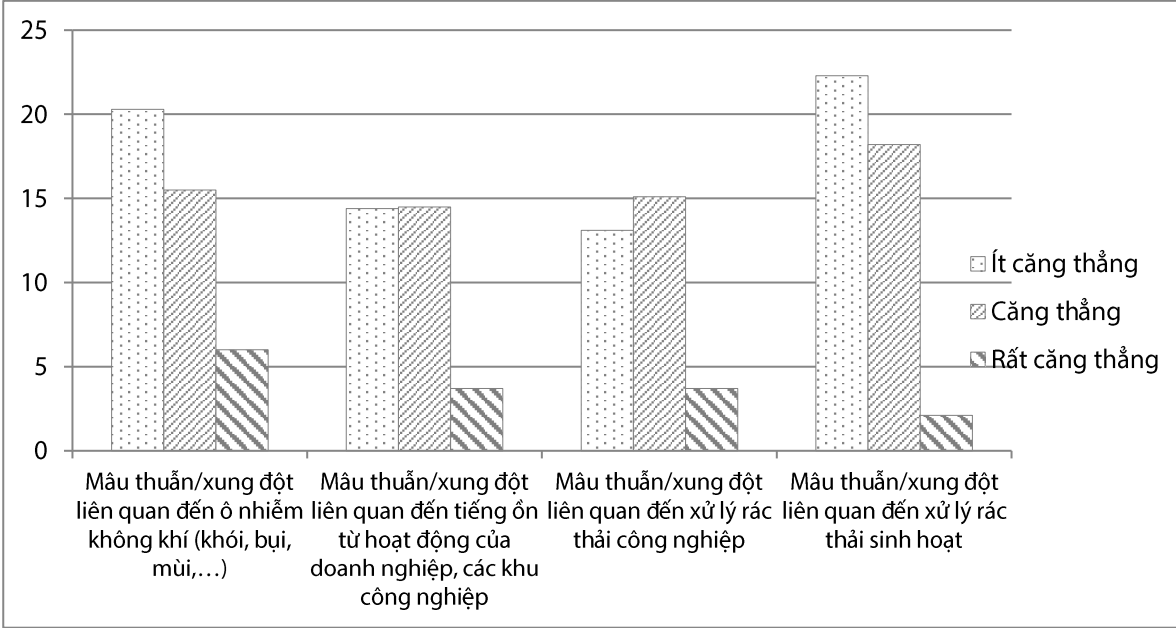
3.1. Thực trạng mâu thuẫn/xung đột xã hội về vấn đề môi trường

Liên quan đến môi trường, có bốn loại mâu thuẫn xã hội chính như sau: i) Mâu thuẫn/xung đột liên quan đến ô nhiễm không khí (khói, bụi, mùi); ii) Mâu thuẫn/xung đột liên quan đến tiếng ồn từ hoạt động của doanh nghiệp, các khu công nghiệp; iii) Mâu thuẫn/xung đột liên quan đến xử lý rác thải công nghiệp; iv) Mâu thuẫn/xung đột liên quan đến xử lý rác thải sinh hoạt. Tại bảng 1, với thang đo likert (5 mức độ: không có, hiếm khi, thỉnh thoảng, thường xuyên, rất thường xuyên) cho thấy bốn loại mâu thuẫn/xung đột này có mức độ “thỉnh thoảng” chiếm tỷ lệ cao hơn hẳn các mức độ còn lại (cao nhất là mâu thuẫn/xung đột liên quan đến rác thải sinh hoạt – 45,8% và mâu thuẫn/xung đột liên quan đến ô nhiễm không khí – 41,5%). Mức độ diễn ra thường xuyên cao nhất là mâu thuẫn/xung đột liên quan đến ô nhiễm không khí (khói, bụi, mùi) (19,3%); tiếp theo là mâu thuẫn/xung đột liên quan đến xử lý rác thải sinh hoạt (16,9%); thấp nhất là mâu thuẫn/xung đột liên quan đến xử lý rác thải công nghiệp (14,6%). Như vậy, bốn loại mâu thuẫn/xung đột liên quan đến môi trường này không diễn ra thường xuyên và gay gắt mà chủ yếu diễn ra khi có sự cố ô nhiễm môi trường khiến người dân bức xúc và tụ tập để phản đối. Mặc dù các xung đột/xã hội này bùng phát ở một số thời điểm nhất định nhưng ảnh hưởng đáng kể đến đời sống người dân, an ninh trật tự và kéo theo những hệ lụy về phát triển kinh tế - xã hội.

Bảng 1: Mức độ thường xuyên của mâu thuẫn/xung đột về vấn đề môi trường

TT	Mâu thuẫn/xung đột xã hội về vấn đề môi trường	Mức độ thường xuyên (%)					
		Không có	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên	Không có ý kiến
1	Mâu thuẫn/xung đột liên quan đến ô nhiễm không khí (khói, bụi, mùi, ...)	7,7	10,9	41,5	19,3	7,7	13,0
2	Mâu thuẫn/xung đột liên quan đến tiếng ồn từ hoạt động của doanh nghiệp, các khu công nghiệp	18,9	7,9	35,4	15,9	5,4	16,5
3	Mâu thuẫn/xung đột liên quan đến xử lý rác thải công nghiệp	20,9	11,6	30,5	14,6	4,4	18,1
4	Mâu thuẫn/xung đột liên quan đến xử lý rác thải sinh hoạt	8,7	10,3	45,8	16,9	3,0	15,2

(Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu khảo sát của đề tài, 2024)



Hình 1: Mức độ căng thẳng của mâu thuẫn/xung đột về vấn đề môi trường

(Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu khảo sát của đề tài, 2024)

Sự căng thẳng của mâu thuẫn/xung đột liên quan đến môi trường nổi trội nhất là vấn đề ô nhiễm không khí (khói, bụi, mùi) và xử lý rác thải sinh hoạt. Với thang đo likert (5 mức độ: hoàn toàn không căng thẳng, ít căng thẳng, bình thường, căng thẳng và rất căng thẳng), mức độ ít căng thẳng, căng thẳng và rất căng thẳng chiếm tỷ lệ thấp hơn 30%, phần lớn tập trung vào đánh giá trung lập (trên 30%). Mức độ căng thẳng bộc lộ tương đối giống nhau ở các loại mâu thuẫn/xung đột liên quan đến môi trường, trong đó căng thẳng vì xử lý rác thải sinh hoạt là 18,2%; ô nhiễm không khí (15,5%); xử lý rác thải sinh hoạt (15,1%), tiếng ồn do hoạt động của khu công nghiệp (14,5%). Theo hình 1, mức độ ít căng thẳng của các mâu thuẫn/xung đột liên quan đến môi trường chiếm tỷ lệ cao hơn so với mức độ căng thẳng và rất căng thẳng. Điều này cho thấy cường độ mâu thuẫn/xung đột liên quan đến môi trường có chiều hướng căng thẳng nhưng không thường xuyên, chủ yếu diễn ra vào thời điểm gia tăng rác thải sinh hoạt và ô nhiễm không khí, khói bụi từ hoạt động công nghiệp. Tuy nhiên, mức độ căng thẳng của mâu thuẫn/xung đột liên quan đến môi trường cũng báo hiệu chất lượng không khí và đời sống của người dân đang bị ảnh hưởng, có chiều hướng cộng hưởng với sự gia tăng hoạt động của khu công nghiệp và thói quen, hành vi không thân thiện với môi trường của người dân trong xử lý rác thải sinh hoạt.

Tình trạng mâu thuẫn/xung đột xã hội về môi trường diễn ra ở Bình Sơn liên quan đến sự phát triển công nghiệp. Khu công nghiệp Dung Quất là tổ hợp của nhiều nhà máy công nghiệp nặng như nhà máy lọc dầu, nhà máy gang thép Hòa Phát... cùng với các tổ hợp khác liên quan đến cảng, giao thông vận tải cũng góp phần thay đổi cảnh quan, môi trường và đời sống của người dân tại các xã Bình Trị, Bình Thuận và Bình Đông. Bên cạnh lợi ích của khu công nghiệp này mang lại như giải quyết việc làm, gia tăng thu nhập, cải thiện giao thông, hỗ trợ an sinh xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần thì một số hệ lụy liên quan đến ô nhiễm môi trường cũng gây ra sự bức xúc của người dân. Hiện nay hoạt động bồi thường và tái định cư đã mang lại lợi ích thiết thực đối với các hộ dân chịu ảnh hưởng do thu hồi đất. Tuy nhiên, các hộ dân không thuộc diện tái định cư và sinh sống gần khu vực nhà máy phải chịu tác động trực tiếp từ khí thải, nước thải, bụi và mùi. Mặc dù hoạt động đánh giá tác động môi trường của một số nhà máy đã hoàn thiện, đảm bảo chất thải ở trong ngưỡng cho phép và không gây tác hại đến môi trường, tuy nhiên, tác động kép của chất thải công nghiệp không chỉ với các yếu tố được tính toán và đo đạc dựa trên dữ liệu mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến giác quan và cuộc sống hằng ngày, điều này cũng gây ra xáo trộn đáng kể đến đời sống người dân.

Không khí ô nhiễm bởi mùi từ các nhà máy, tiếng ồn và đường sá bụi bặm và ã giảm từ các xe tải trọng lượng lớn lưu thông đến khu vực cảng Dung Quất diễn ra trong thời gian dài ở các xã Bình Trị, Bình Thuận và Bình Đông khiến người dân tụ tập ngăn cản xe chở ã giảm hoặc tụ tập ở cổng nhà máy để phản đối: *"hơn 50 hộ dân sinh sống ở gần nhà máy thường xuyên bị khó chịu bởi tiếng ồn và nước thải ra có mùi mặc dù nhà máy ã xử lý nước thải"* (phỏng vấn một người dân, nam, 73 tuổi, Bình Trị). Những hộ dân ở gần trục đường có xe tải di chuyển không chỉ chịu ảnh hưởng bởi tiếng ồn mà còn bụi bặm và ã giảm khiến cho việc lưu thông, đi lại khó khăn: *"Mặt trái của phát triển công nghiệp là ô nhiễm môi trường, các xe chở hàng ra cảng với lưu lượng lớn, bụi bặm rất nhiều, người dân kêu ca, phàn nàn, thậm chí còn ra cản đường xe chạy"* (phỏng vấn một người dân, nam, 54 tuổi, Bình Thuận). Người dân ở các thôn Tuyết Diêm 1, 2, 3 (xã Bình Thuận) gần với khu vực cảng Dung Quất chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tiếng ồn và khói bụi: *"Bụi và mùi của các nhà máy thải ra thực sự không chịu nổi, nhà hai bên đường bị ã văng vào nhà và đường hư hỏng do xe tải trọng lớn chạy qua. Do đó, người dân mong muốn tái định cư"* (phỏng vấn một người dân, nữ, 70 tuổi, Bình Thuận). Đây là những hộ dân chịu tác động kép từ ô nhiễm môi trường, bao gồm nguy cơ xấu đối với sức khỏe và mất ngư trường đánh bắt cá. Phần lớn các hộ dân chịu ảnh hưởng nêu trên bộc lộ sự bức xúc thông qua các câu chuyện thường ngày, hoặc phản ánh trong các cuộc họp tổ dân phố, tiếp xúc cử tri. Sự bộc lộ mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm là tụ tập đông người trước cổng nhà máy để mong muốn di dời tái định cư, tuy nhiên, các hộ dân này chưa gửi đơn thư khiếu kiện về vấn đề môi trường. Từ những trải nghiệm về ô nhiễm môi trường trong thời gian dài khiến cho người dân lo ngại và ngăn ngừa khi có các dự án xả thải diễn ra trên địa bàn sinh sống. Sự kiện tụ tập 30 người dân thôn Lệ Thụy (xã Bình Trị) phản đối nhà máy bột giấy VNT19 xây dựng

đường ống xả thải gần tuyến đường Võ Văn Kiệt vào tháng 8/2024 là kết quả tích tụ của những bức xúc và quan ngại về ô nhiễm môi trường. Sự bùng phát của xung đột môi trường diễn ra âm thầm trong suốt thời gian dài, liên đới trực tiếp đến quá trình bồi thường, tái định cư chưa thỏa đáng, người dân chưa được giải trình đầy đủ và chính xác các thông tin về xử lý rác thải và chất thải từ hoạt động công nghiệp nặng.

Tại xã Phổ Thạnh (Đức Phổ) đã từng xảy ra hiện tượng ô nhiễm môi trường liên quan đến rác thải sinh hoạt. Từ trước năm 2018, người dân có điểm tập kết rác tự phát tại xã Phổ Thạnh song không đảm bảo an toàn môi trường. Sau đó, công ty MD xây dựng nhà máy xử lý rác trên địa bàn xã Phổ Thạnh. Tuy nhiên, nhà máy xử lý rác thải MD này không đảm bảo khoảng cách theo quy định so với khu dân cư, do đó, vào năm 2018, người dân xã Phổ Thạnh tụ tập đông người để phản đối công ty MD vận chuyển thiết bị vào nhà máy. Sau khi thử nghiệm vài tháng, với sự phản đối mạnh mẽ từ người dân, nhà máy đã dừng hoạt động. Đến năm 2020, nhà máy dự định hoạt động trở lại cùng với cam kết về an toàn môi trường, nhưng nỗi lo ngại về ô nhiễm môi trường khiến cho mâu thuẫn giữa người dân và doanh nghiệp càng trở nên trầm trọng, từ đó dự án xử lý rác thải này dừng hẳn. Tương tự, người dân các xã Nghĩa Kỳ, Nghĩa Điền (huyện Tư Nghĩa) chịu ảnh hưởng trực tiếp từ khu xử lý rác thải Nghĩa Kỳ, nhất là cư dân sinh sống trong phạm vi 1 km tính từ bãi rác. Trong đó, nổi bật nhất là sự kiện người dân ở xóm Bình Đông (thôn An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ) đã tập trung tại Ban quản lý Dự án nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt xã Nghĩa Kỳ nhằm ngăn chặn không cho xe chở rác vào khu vực này⁽¹⁾.

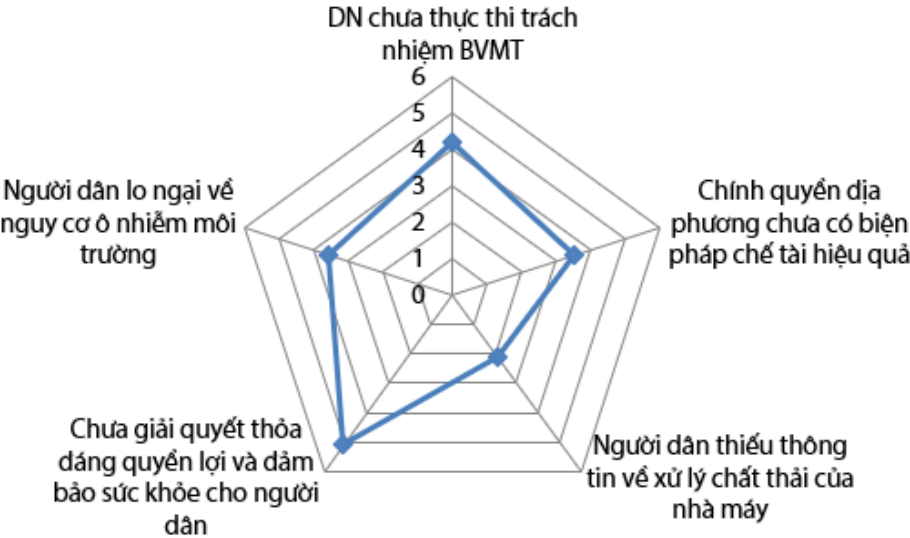
Tại thành phố Quảng Ngãi, đời sống của một bộ phận người dân còn chịu ảnh hưởng từ những khó khăn phát sinh do vướng mắc từ các dự án hạ tầng kéo dài. Trong đó, dự án khu II Đê Bao phường Lê Hồng Phong từ năm 1997 đến nay vẫn chưa hoàn thành, ảnh hưởng đến 165 hộ dân chưa di dời tái định cư. Trải qua 30 năm, các hộ dân này sống trong tình trạng không có nước sạch, không được cấp quyền sử dụng đất, không thể sửa chữa nhà và bán nhà. Vào mùa mưa, tình trạng ngập lụt làm ô nhiễm môi trường sống, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nước sinh hoạt và sức khỏe. Với mong muốn sớm tái định cư và khắc phục các vấn đề ô nhiễm môi trường, một nhóm nhỏ trong số 165 hộ dân thuộc tổ 6, phường Lê Hồng Phong tiến hành tuần hành, tụ tập tại cơ quan chức năng để trình bày nguyện vọng và tạo sự chú ý hoặc gửi đơn lên chính quyền. Mặc dù chưa trở thành điểm nóng xung đột môi trường nhưng có nguy cơ mâu thuẫn tiềm tàng, nếu không giải quyết ổn thỏa tái định cư, đảm bảo đời sống tốt hơn về sinh kế và môi trường thì sẽ gây thêm nhiều bức xúc và bất an: *“tình trạng ô nhiễm nước rất trầm trọng vì người dân ở đây dùng giếng khoan, nước sinh hoạt và nước thải từ trồng trọt chăn nuôi ứ đọng, không có chỗ thoát nước, khiến cho nguồn nước uống càng bị ô nhiễm nặng”* (phỏng vấn một người dân, nam, 58 tuổi, tổ 6, phường Lê Hồng Phong). Tình trạng bức bách về nhu cầu sinh kế cùng với ô nhiễm môi trường kéo dài nhiều năm khiến cho khát vọng an cư lạc nghiệp càng trở nên cấp thiết: *“thời buổi kinh tế hội nhập mà nhà không có sổ đỏ, không có nước sạch, người dân không có tiền chữa bệnh và cho con đi học, nên họ rơi vào bế tắc, trầm cảm, nợ nần, túng quẫn, thiệt hại về tinh thần rất lớn”* (phỏng vấn một người dân, nam, 40 tuổi, tổ 6, phường Lê Hồng Phong). Nhìn chung, mâu thuẫn/xung đột xã hội liên quan đến môi trường ở Quảng Ngãi biểu hiện sự mâu thuẫn khó điều hòa về quyền lợi của người dân và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp trong xử lý ô nhiễm bụi, mùi và rác thải. Đồng thời, mâu thuẫn/xung đột này là hệ quả của quá trình phát triển công nghiệp hóa, chưa giải quyết ổn thỏa môi trường sống của khu dân cư sinh sống gần khu công nghiệp. Mặt khác, việc quản lý, thu gom và xử lý rác thải tạo ra nhiều mâu thuẫn, tranh chấp giữa người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Điều đó cho thấy vấn đề quản lý môi trường trong bối cảnh phát triển công nghiệp càng trở nên cấp thiết.

Tóm lại, mâu thuẫn/xung đột xã hội về môi trường ở tỉnh Quảng Ngãi có tính chất phức tạp, tồn tại dai dẳng và bền bỉ, có thể bùng phát khi mức độ lo lắng, bất an của người dân được đẩy lên cao. Mâu thuẫn/xung đột xã hội về môi trường ở tỉnh Quảng Ngãi tồn tại ở cả hai hình thức là xung đột tiềm ẩn và xung đột biểu lộ. Các mâu thuẫn này nảy sinh từ các vấn đề kinh tế - xã hội như xây dựng khu công nghiệp, tái định cư, bồi thường và quy hoạch đô thị tác động trực tiếp đến môi trường sống của người dân. Mâu thuẫn/xung đột môi trường rất dễ phát sinh do

mật độ xây dựng cơ sở hạ tầng ngày càng gia tăng nhưng chưa giải quyết ổn thỏa các nhu cầu cơ bản về sinh kế và không gian sinh sống của người dân ở đô thị và nông thôn.

3.2. Nguyên nhân mâu thuẫn/xung đột xã hội về vấn đề môi trường

Tình trạng mâu thuẫn/xung đột xã hội liên quan đến môi trường tại Quảng Ngãi nảy sinh từ năm nguyên nhân chính như sau: i) Doanh nghiệp chưa thực thi trách nhiệm bảo vệ môi trường; ii) Chính quyền địa phương chưa có các biện pháp chế tài hiệu quả nhằm quản lý, xử phạt hành vi gây ô nhiễm môi trường; iii) Người dân thiếu thông tin liên quan đến công tác xử lý khí thải, chất thải của các nhà máy; iv) Chưa giải quyết thỏa đáng quyền lợi và đảm bảo sức khỏe cho người dân khi sinh sống gần các khu công nghiệp; v) Người dân lo ngại về nguy cơ ô nhiễm môi trường. Theo hình 2, nguyên nhân “Chưa giải quyết thỏa đáng quyền lợi và đảm bảo sức khỏe cho người dân khi sinh sống gần các khu công nghiệp” được người dân đồng thuận cao nhất vì đây cũng là nguyên nhân của những mâu thuẫn/xung đột kéo dài. Tiếp theo, “Doanh nghiệp chưa thực thi trách nhiệm bảo vệ môi trường” là nguyên nhân dẫn đến sự thiếu đồng thuận giữa các chủ thể khi triển khai dự án công nghiệp trên địa bàn, thậm chí là người dân mất lòng tin khi được giải trình về an toàn môi trường. Các nguyên nhân còn lại cũng phản ánh sự liên quan chặt chẽ giữa việc nắm bắt thông tin về xử lý chất thải của nhà máy và mối lo ngại của người dân về nguy cơ ô nhiễm môi trường trước hiện trạng thiếu biện pháp chế tài cụ thể để xử phạt hành vi gây ô nhiễm môi trường.



Hình 2: Mức độ rất đồng ý của người dân về các nguyên nhân mâu thuẫn/xung đột xã hội về vấn đề môi trường

(Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu khảo sát của đề tài, 2024)

Trường hợp người dân tự tập phản đối xe chở nguyên vật liệu gây bụi bặm và tiếng ồn gần khu công nghiệp Dung Quất cũng như cản trở thi công tuyến đường xả thải của nhà máy bột giấy VNT19 cho thấy người dân cần được tham vấn và giải trình để đảm bảo đời sống hiện tại và thế hệ tương lai không bị ảnh hưởng bởi nguy cơ ô nhiễm môi trường. Tình trạng này cũng kéo theo sự lo ngại và thiếu niềm tin của người dân đối với hoạt động xử lý môi trường của những doanh nghiệp này. Đồng thời, hoạt động xả thải này có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến ngư trường đánh bắt của người dân sinh sống gần khu công nghiệp: “mặc dù đã giải thích cho người dân hiểu là việc xả thải đảm bảo theo quy định, không gây nguy hiểm đến môi trường, nhưng trước đó họ đã bị cấm đánh bắt trong phạm vi 500m khi có nhà máy hoạt động, nay nếu có thêm doanh nghiệp xả thải ra biển nữa thì ngư dân nghĩ rằng sẽ bị cấm tiếp, phạm vi sản xuất của người dân sẽ bị thu hẹp, cho nên họ tự tập phản đối” (phỏng vấn một người dân, nam, 64 tuổi, xã Bình Trị). Liên quan trực tiếp đến trách nhiệm đảm bảo môi trường của doanh nghiệp, trách nhiệm giải trình, sự minh bạch về đánh giá ô nhiễm của lượng nước thải và khí thải chưa được thực thi thỏa đáng, dẫn đến sự lo ngại và bất an về tương lai của con cháu sau này. Việc phản đối các doanh nghiệp xả thải trên địa bàn và yêu cầu giải trình cụ thể, minh bạch là điều cần thiết và hợp lý. Sự can thiệp muộn

màng của cơ quan chức năng trong hạn chế mâu thuẫn khiến cho bùng phát xung đột đi quá xa và khó kiểm soát. Đồng thời, các biện pháp chế tài chưa triển khai đồng bộ, nhất là thiếu chế tài xử phạt hành vi gây ô nhiễm môi trường.

Tóm lại, các chủ thể liên quan đến mâu thuẫn/xung đột về môi trường là người dân, doanh nghiệp và nhà nước chưa tạo ra kết nối về thông tin, tham vấn và trao đổi ý kiến một cách minh bạch và kịp thời. Nguyên nhân của mâu thuẫn/xung đột môi trường xuất phát từ các yếu tố quản lý chế tài, trách nhiệm bảo vệ môi trường và giải trình, khả năng tiếp cận thông tin của người dân và tính đồng thuận giữa các chủ thể. Đây là những đóng góp về tác nhân xã hội của nghiên cứu này trong phân tích nguyên nhân nảy sinh xung đột môi trường. Yếu tố tiềm tàng gây ra mâu thuẫn/xung đột này là đời sống của người dân có nguy cơ đối mặt với ô nhiễm môi trường trong hiện tại và tương lai. Đồng thời, các nhu cầu khác như tái định cư, giải quyết việc làm, ổn định môi trường sống và không gian sản xuất, sinh hoạt chưa trở thành yếu tố quan trọng trong quá trình quy hoạch đô thị, cơ sở hạ tầng và phát triển công nghiệp. Mâu thuẫn về lợi ích giữa người dân và các chủ thể còn lại dẫn đến bùng phát những điểm nóng về môi trường rất khó điều hòa và giải quyết dứt điểm.

3.3. Cách thức ngăn ngừa mâu thuẫn/xung đột xã hội về vấn đề môi trường

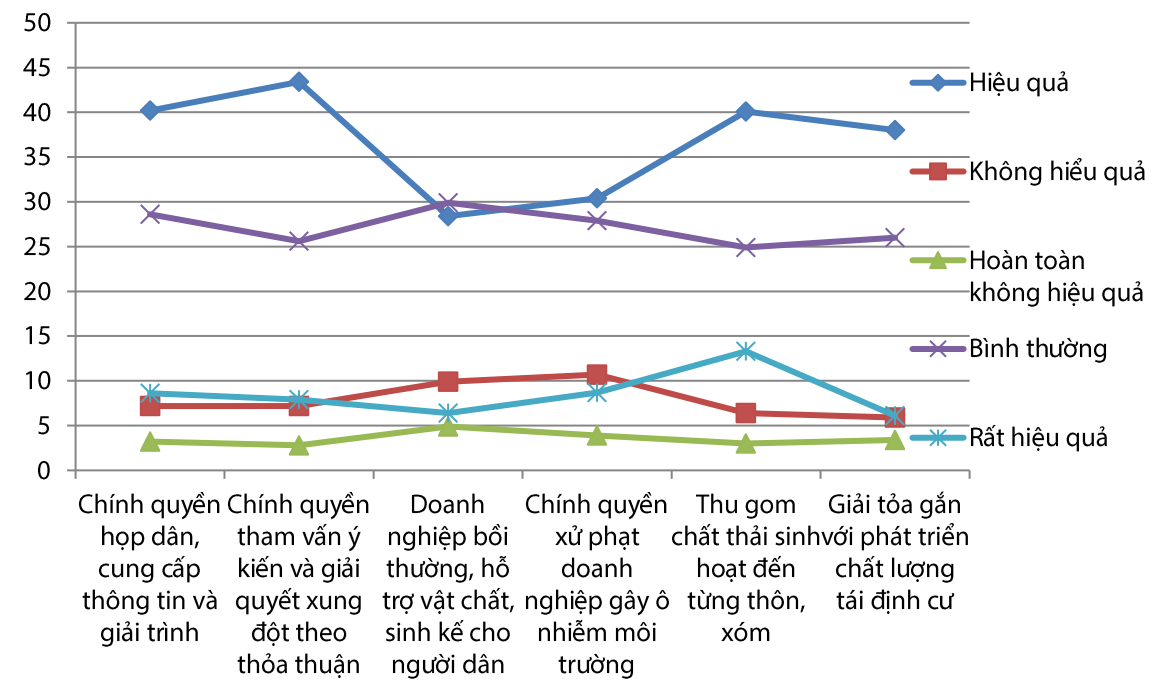
Mâu thuẫn/xung đột xã hội liên quan đến môi trường biểu hiện dưới dạng những mâu thuẫn tiềm tàng nhưng kéo dài vì chưa giải quyết tốt quyền lợi và sức khỏe của người dân sinh sống ở gần khu công nghiệp và trong phạm vi quy hoạch của các dự án kéo dài. Do đó, cách thức giải quyết mâu thuẫn/xung đột xã hội về vấn đề môi trường cần phải có tính chất bao quát, chú trọng vấn đề giải trình minh bạch và cung cấp thông tin, tuân thủ các thỏa thuận trong quá trình di dời tái định cư, ổn định môi trường sống của người dân. Có sáu cách thức giải quyết mâu thuẫn/xung đột liên quan đến lĩnh vực môi trường như sau: *i)* Chính quyền địa phương tổ chức họp dân, cung cấp thông tin, và giải thích để người dân hiểu rõ các vấn đề liên quan đến xử lý chất thải, ô nhiễm môi trường; *ii)* Chính quyền địa phương tổ chức họp dân, tham vấn ý kiến của người dân, và giải quyết mâu thuẫn/xung đột theo cách thức đã thống nhất với người dân; *iii)* Doanh nghiệp bồi thường, hỗ trợ vật chất, sinh kế cho người dân; *iv)* Chính quyền xử phạt các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường; *v)* Tổ chức thu gom chất thải sinh hoạt đến từng thôn, xóm; *vi)* Giải tỏa gắn với phát triển chất lượng các khu tái định cư.

Người dân đánh giá hiệu quả nhất đối với cách thức “Chính quyền địa phương tổ chức họp dân, tham vấn ý kiến của người dân, và giải quyết mâu thuẫn/xung đột theo cách thức đã thống nhất với người dân” (43,4%); tiếp theo là “Chính quyền địa phương tổ chức họp dân, cung cấp thông tin, và giải thích để người dân hiểu rõ các vấn đề liên quan đến xử lý chất thải, ô nhiễm môi trường” (40,2%); “Tổ chức thu gom chất thải sinh hoạt đến từng thôn, xóm” (40,1%); “Giải tỏa gắn với phát triển chất lượng các khu tái định cư” (38%); “Chính quyền xử phạt các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường” (30,4%); “Doanh nghiệp bồi thường, hỗ trợ vật chất, sinh kế cho người dân” (28,4%) (theo hình 3). Để giải quyết mâu thuẫn/xung đột liên quan đến môi trường hiệu quả nhất chính là sự đồng thuận giữa chính quyền và người dân về các thông tin cần thiết đối với xử lý chất thải và ô nhiễm bụi, mùi. Việc nắm bắt kịp thời các thông tin chính xác, đúng đắn, khoa học từ các chỉ số liên quan đến xả thải, xử lý rác thải, chất thải của doanh nghiệp dựa trên giải trình công khai, minh bạch, có trách nhiệm giúp hạn chế phần lớn xung đột liên quan đến môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hiện nay.

Mức độ đánh giá không hiệu quả cao nhất đối với phương án “Chính quyền xử phạt các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường” (10,7%), và thấp nhất đối với phương án “Giải tỏa gắn với phát triển chất lượng các khu tái định cư” (5,9%). Trong khi đó, mức độ đánh giá rất hiệu quả với phương án “Tổ chức thu gom chất thải sinh hoạt đến từng thôn, xóm” (13,3%) và thấp nhất với phương án “Doanh nghiệp bồi thường, hỗ trợ vật chất, sinh kế cho người dân” (6,4%) (theo hình 3). Các mức độ đánh giá trên cho thấy vai trò quan trọng của quản lý nhà nước đối với giải quyết mâu thuẫn/xung đột xã hội về môi trường, đặc biệt là sự tham vấn ý kiến của người dân để đi đến đồng thuận và áp dụng biện pháp chế tài dành cho chủ thể gây ô nhiễm môi trường.

Các phương án tái định cư, bồi thường gắn với ổn định đời sống và môi trường đến nay đã đạt được sự đồng thuận và ủng hộ của người dân, nhất là hoàn thiện về hạ tầng thoát nước và vệ sinh môi trường ở khu tái định cư. Đây cũng là giải pháp được mong chờ nhiều nhất từ các hộ dân chưa được tái định cư và phải sống trong tình trạng ô nhiễm nước và ngập lụt do sự kéo dài của các dự án quy hoạch đô thị. Một trong những phương án mang lại hiệu quả đối với giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường là hoạt động thu gom rác thải đến từng thôn, xóm. Tại xã Phổ Thạnh (Đức Phổ) sau khi người dân ngăn cản thiết lập nhà máy xử lý rác thải trên địa bàn thì chính quyền đã thử nghiệm tạm thời một nơi tập kết rác ở xa khu dân cư, nhờ vậy đã góp phần xoa dịu bức xúc của người dân. Nhìn chung, các giải pháp ngăn ngừa mâu thuẫn/xung đột hiện nay đều diễn ra sau khi điểm nóng bùng phát. Phương án giải quyết tạm thời là chấm dứt hoạt động của các nhà máy có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, giải pháp hỗ trợ vật chất, bồi thường, phát triển sinh kế, và an sinh xã hội cũng được tiến hành nhằm nâng cao thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, những giải pháp này chỉ có tính chất tạm thời, cho nên cho các mâu thuẫn/xung đột môi trường có thể lắng dịu trong thời gian ngắn mà không hoàn toàn chấm dứt mâu thuẫn/xung đột.

Một trong những bất cập hiện nay là doanh nghiệp thiếu các phương án giảm thiểu tác động môi trường sau khi nhà máy vận hành. Nếu không giải quyết tốt vấn đề này thì sẽ để lại nhiều dư âm và mâu thuẫn tiềm tàng giữa người dân và doanh nghiệp, liên đới trực tiếp đến trách nhiệm quản lý và chế tài của cơ quan nhà nước. Vì ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí diễn ra trong thời gian dài, cho nên các dự án xử lý rác thải hoặc công nghiệp nặng khác khi tiến hành xây dựng gần khu dân cư sẽ không đạt được sự đồng thuận và chấp nhận từ phía người dân: *“cần thiết phải tiến hành gấp gỡ, đối thoại và thông tin cho người dân cụ thể với các cam kết rõ ràng về an toàn môi trường”* (phỏng vấn cán bộ, Bình Sơn).



Hình 3: Đánh giá của người dân về mức độ hiệu quả của cách thức ngăn ngừa mâu thuẫn/xung đột xã hội về vấn đề môi trường
(Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu khảo sát của đề tài, 2024)

Sự phản ánh của người dân về vấn đề môi trường là một “kênh thông tin” quan trọng hỗ trợ hoạt động quản lý bảo vệ môi trường của nhà nước. Việc giải trình và cung cấp thông tin về vấn đề xử lý chất thải, rác thải của doanh nghiệp góp phần nâng cao tính minh bạch và giúp người dân đặt niềm tin vào phát triển công nghiệp nặng. Tính đồng thuận giữa người dân và nhà nước, doanh nghiệp cần được chú trọng nhiều hơn nữa trong quá trình tham vấn ý kiến của người dân và thực hiện theo thỏa thuận, nhất là đối với chính sách hỗ trợ vật chất, tái định cư, bồi

thường, qua đó thúc đẩy trách nhiệm bảo vệ môi trường của người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, hoạt động hậu kiểm tra an toàn môi trường và phương án giảm thiểu tác động môi trường cần được thực hiện song song, nhất là xử lý tiếng ồn, bụi, mùi và cấp phép cho các cơ quan đạt được tiêu chí về môi trường theo quy định.

4. Kết luận

Diễn biến mâu thuẫn/xung đột liên quan đến môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi khá phức tạp và luôn tiềm ẩn những nguy cơ mới. Sự không đồng thuận về quan điểm, trách nhiệm bảo vệ môi trường và khác biệt về lợi ích giữa các chủ thể thường dẫn đến mâu thuẫn/xung đột môi trường. Các mâu thuẫn/xung đột này diễn biến rất khó lường, một số điểm nóng xung đột trong thời gian qua đã được giải quyết dựa trên sự đồng thuận và chấm dứt hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, các mâu thuẫn mới luôn tiềm tàng và có nguy cơ bùng phát xung đột. Một số cách thức giải quyết xung đột xã hội hiện nay thiên về tuyên truyền, vận động, bước đầu có sự tham vấn ý kiến của người dân trước khi triển khai các dự án quy hoạch đô thị, xây dựng khu công nghiệp và xử lý rác thải. Dù vậy, vẫn còn thiếu các phương án giảm thiểu tác động môi trường như ô nhiễm bụi, mùi đối với khu vực dân cư gần nhà máy. Đồng thời, cách thức giải quyết còn khiến cưỡng, máy móc, chưa sát thực với nhu cầu, nguyện vọng, chưa thỏa mãn giá trị lợi ích sinh kế và chưa xoa dịu lo ngại của người dân về nguy cơ ô nhiễm môi trường, từ đó, các mâu thuẫn liên quan đến môi trường vẫn tiếp tục tiềm ẩn và có khả năng nảy sinh các xung đột trong tương lai. Do vậy, nghiên cứu này cũng đề xuất một số gợi ý như sau nhằm ngăn ngừa nguy cơ mâu thuẫn/xung đột về môi trường: i) Tham vấn, lấy ý kiến, nguyện vọng và nhu cầu của người dân để đi đến đồng thuận giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân trước khi xây dựng và triển khai các dự án công nghiệp trên địa bàn; ii) Nâng cao vai trò của chính quyền địa phương và chính quyền các cấp trong việc cung cấp thông tin, giải thích chính sách, pháp luật và vấn đề ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải cho người dân hiểu và đồng thuận; iii) Đảm bảo vệ sinh môi trường thông qua hoạt động thu gom rác thải trong cộng đồng dân cư, nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường của cộng đồng; iv) Có chế tài xử phạt các chủ thể gây ô nhiễm môi trường; v) Nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường của người dân và doanh nghiệp.

Chú thích:

(1) Báo cáo số 286-BC/BNCTU của Ban Nội chính Tỉnh ủy Quảng Ngãi ngày 12/08/2019 về Kết quả hơn 02 năm thực hiện Quy chế phối hợp giữa Ban Nội chính Tỉnh ủy với các huyện, thành ủy. Theo Cổng Thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, <https://www.quangngai.dcs.vn/web/vanban/van-ban-cua-ban-noi-chinh-tinh-uy>.

Ghi chú: Đây là sản phẩm của đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh: “Nghiên cứu đề xuất giải pháp ngăn ngừa, cơ chế xử lý xung đột xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” do Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên chủ trì thực hiện và được UBND tỉnh Quảng Ngãi tài trợ.

Tài liệu tham khảo

Dahrendorf, R. (1958). Toward a theory of social conflict. *The Journal of Conflict Resolution*, 2(2), 170-183.

Đào Quang Vinh (2021). *Giải quyết mâu thuẫn, xung đột xã hội hiện nay*. Truy xuất tại: <http://hdl.vn/vi/nghien-cuu--trao-doi/giai-quyet-mau-thuan-xung-dot-xa-hoi-hien-nay.html>, ngày 10/1/2025.

Hồ Bá Thâm (2011). *Bàn về mâu thuẫn xung đột lợi ích hiện nay*. Nxb Chính trị Quốc gia.

Lê Ngọc Thanh, Mai Trọng Thông, Lê Văn Hương (2016). Cơ sở lý luận và phương pháp đánh giá xung đột môi trường. *Tạp chí Khoa học & công nghệ Việt Nam*, 7(8), 53-59.

Nguyễn Chí Tinh (2012). *Xung đột văn hóa và đấu tranh văn hóa*. Nxb Văn hóa – Thông tin.

Phan Xuân Sơn, Nguyễn Thị Thanh Dung (2020). Các yếu tố văn hóa – tâm lý trong quản lý và giải tỏa xung đột xã hội. *Tạp chí Lý luận chính trị*, 3.

Timura, C. (2001). “Environmental Conflict” and the Social Life of Environment Security Discourse. *Anthropological Quarterly*, 74(3), 104-113

Vũ Cao Đàm (2002). *Xã hội học môi trường*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

1. Bài viết gửi đăng trên Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung phải là bài viết chưa từng được gửi đăng, đăng tải trên bất kỳ các sách, báo, tạp chí khác.
2. Bài viết gửi đăng có dung lượng từ 5.000-8.000 từ, được đánh máy vi tính trên khổ giấy A4, sử dụng font chữ Times New Roman, cỡ chữ 14, cách dòng Single, các đoạn 6 pt. Trang đầu tiên của bài viết bao gồm các thông tin về tác giả: họ và tên, học hàm, học vị, cơ quan công tác, số điện thoại, địa chỉ email liên hệ (nếu có từ 02 tác giả trở lên, đều phải đảm bảo đầy đủ thông tin trên).
3. Tiêu đề bài viết, tóm tắt (khoảng 100-200 từ), từ khoá phải được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh ngay sau trang thông tác giả.
4. Kết cấu bài viết được chia thành các mục, tiểu mục và cần đánh theo số thứ tự: 1. Đặt vấn đề; 2.; 2.1.; 2.1.1.; ...; n. Kết luận; Tài liệu tham khảo. Tên của mục và tiểu mục cần viết ngắn gọn, thể hiện bản chất của nội dung trình bày và không có dấu chấm ở cuối dòng.
5. Tên riêng của người, địa phương, thuật ngữ tiếng nước ngoài để nguyên văn, không phiên âm sang tiếng Việt, trừ những tên, thuật ngữ đã được Việt hoá (như Trung Quốc, Thái Lan, ...).
6. Bài viết phải đảm bảo trích dẫn đầy đủ các thông tin, số liệu, nội dung, đại ý, kết luận... (nếu tham khảo từ các tài liệu khác). Đối với các đoạn trích dẫn trong bài viết nếu trích dẫn nguyên văn thì phần trích dẫn phải được để trong dấu ngoặc kép, nếu là trích dẫn nội dung, đại ý (bao gồm cả số liệu, thông tin, kết luận, phát hiện, ... không dùng nguyên văn) thì không phải để trong dấu ngoặc kép. Cả 2 loại trích dẫn này đều được trích nguồn đầy đủ và ở dạng chữ thường.
7. Tài liệu trích dẫn được trình bày trong dấu ngoặc đơn và viết theo thứ tự sau:
 - Là tác giả Việt Nam: Họ và tên tác giả, năm xuất bản, số trang (nếu có). Ví dụ (Nguyễn Văn A, 2011, 10).
 - Là tác giả nước ngoài: Họ tác giả, năm, số trang (nếu có). Ví dụ (Stiglitz, 1986).
8. Chú thích được trình bày trong dấu ngoặc đơn và đánh số thứ tự 1, 2, 3. Nội dung của chú thích được trình bày ở cuối bài viết bằng mục Chú thích và đặt trên tài liệu tham khảo. Ví dụ: Vùng Nam Trung Bộ⁽¹⁾. Cuối bài viết trình bày:

Chú thích:

(1) Vùng Nam Trung Bộ bao gồm 8 tỉnh/thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.

9. Tài liệu tham khảo được trình bày theo chuẩn quốc tế APA và được sắp xếp theo thứ tự Alphabet.
 - + Đối với tài liệu là bài báo trong các tạp chí:
 - *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề bài viết. *Tên tạp chí*, số quyển (số phát hành), số trang. Ví dụ: Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B (2024). Phát triển kinh tế Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, 1(82), 3-10.
 - *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). Tiêu đề bài viết. *Tên tạp chí*, số quyển (số phát hành), số trang. Ví dụ: Wang, S., Wang, J., Shen, W., & Wu, H. (2023). The evaluation of tourism service facilities in Chinese traditional villages based on the living protection concept: Theoretical framework and empirical case study. *Journal of Asian Architecture and Building Engineering*, 22(1), 14-31.
 - + Đối với tài liệu là sách:
 - *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). *Tiêu đề sách (phiên bản)*. Nhà xuất bản. Nơi xuất bản. Ví dụ: Nguyễn Văn A (chủ biên). (2024). *Giáo trình kinh tế phát triển*. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
 - *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). *Tiêu đề sách (phiên bản)*. Nhà xuất bản. Nơi xuất bản. Ví dụ: Chang, H. J. (Ed.). (2003). *Rethinking development economics* (Vol. 1). Anthem Press.
 - + Đối với tài liệu là bài đăng trên kỷ yếu hội thảo:
 - *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề tham luận. *Tên kỷ yếu hội thảo* (Số trang). Nơi xuất bản. Ví dụ: Nguyễn Văn A (2024). Điều chỉnh tỷ giá thị trường. *Hội thảo phát triển kinh tế miền Trung* (10-20). Đà Nẵng.
 - *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). Tiêu đề tham luận. *Tên kỷ yếu hội thảo* (số trang). Nơi xuất bản. Ví dụ: Kremer, M., Rao, G., & Schilbach, F. (2019). Behavioral development economics. In *Handbook of behavioral economics: applications and foundations 1* (Vol. 2, pp. 345-458). North-Holland.
 - + Đối với tài liệu là bài đăng trên internet:
 - *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). *Tiêu đề bài viết*. Truy xuất từ đường dẫn trang web, ngày/tháng/năm truy cập. Ví dụ: Minh Ngọc (2024). *FDI tháng 5/2024: Vốn điều chỉnh đạt mức tăng ấn tượng*. Truy xuất từ <https://baochinhphu.vn/fdi-thang-5-2024-von-dieu-chinh-dat-muc-tang-an-tuong-102240528083927875.htm>, ngày 10/5/2024.
 - *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). *Tiêu đề bài viết*. Truy xuất từ đường dẫn trang web, ngày/tháng/năm truy cập. Ví dụ: Lund, C. (2023). *The Effects of Mental Health Interventions on Labor Market Outcomes in Low- and Middle-Income Countries*. Truy xuất tại <https://www.nber.org/papers/w32423>, ngày 10/5/2024.

10. Xin gửi bản thảo bài viết qua địa chỉ email: tckhxmientrung@gmail.com

Lưu ý: Toà soạn Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung chỉ nhận bài viết đáp ứng đúng thể lệ gửi bài trên.

Thông tin liên hệ:

Toà soạn Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3962.510

Website: <https://isscr.vass.gov.vn> hoặc <https://vjol.info.vn/index.php/isscr/index>

GIÁ: 30.000 đồng

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3962.510

Email: tckhxmientrung@gmail.com